

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 4 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thùy T, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện Pn, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2021 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thùy T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2016 bà (Phạm Thùy T) và ông Phạm Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C vào ngày 18/3/2016. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà và ông Phạm Văn Đ không còn sống chung với nhau từ khoảng 04 tháng nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Về con chung có 02 người tên là Phạm Tiến L (giới tính nam), sinh ngày 17/02/2018 và Phạm Hoàng B (giới tính nam) sinh ngày 20/01/2020. Hiện tại Phạm Hoàng B đang sống cùng với bà, Phạm Tiến L đang sống cùng với ông Phạm Văn Đ. Nay bà yêu cầu được nuôi Phạm Hoàng B, giao Phạm Tiến L cho ông Phạm Văn Đ nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện chính quyền địa phương xã T, huyện P, tỉnh C xác định: Bà Phạm Thùy T và ông Phạm Văn Đ không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Phạm Thùy T ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Giao con chung tên là Phạm Hoàng B (giới tính nam) sinh ngày 20/01/2020 cho bà Phạm Thùy T nuôi dưỡng, giao Phạm Tiến L (giới tính nam) sinh ngày 17/02/2018 cho ông Phạm Văn Đ nuôi dưỡng, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Phạm Thùy T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phạm Văn Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phạm Văn Đ vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Văn Đ.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Phạm Thùy T và ông Phạm Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được chứng nhận kết hôn vào ngày 18/3/2016. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên

hôn nhân giữa bà Phạm Thùy T và ông Phạm Văn Đ được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Phạm Thùy T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà và ông Phạm Văn Đ không còn sống chung với nhau khoảng 04 tháng nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà Phạm Thùy T nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Ông Phạm Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy ông Phạm Văn Đ không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thùy T và ông Phạm Văn Đ đã và đang trầm trọng, Bà Phạm Thùy T cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Phạm Thùy T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Có hai người tên là là Phạm Tiến L (giới tính nam) sinh ngày 17/02/2018 và Phạm Hoàng B (giới tính nam) sinh ngày 20/01/2020. Bà Phạm Thùy T yêu cầu được nuôi Phạm Hoàng B, giao Phạm Tiến L cho ông Phạm Văn Đ nuôi dưỡng. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy hai người con chung hiện tại chưa đủ 18 tuổi, rất cần sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ. Việc bà Phạm Thùy T yêu cầu được nuôi Phạm Hoàng B là phù hợp vì hiện tại Phạm Hoàng B chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện tại đang chung sống cùng với bà. Theo khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình phải do người mẹ nuôi. Do đó, yêu cầu này của bà Phạm Thùy T là có căn cứ chấp nhận. Đối với Phạm Tiến L hiện đang do ông Phạm Văn Đ nuôi. Xét thấy bà Phạm Thùy T và ông Phạm Văn Đ có hai người con chung, do đó việc giao một người con cho ông Phạm Văn Đ nuôi và giao một người con cho bà Phạm Thùy T nuôi phù hợp với hoàn cảnh thực tế, đảm bảo cho sự phát triển tâm lý hiện tại của những người con chung. Bà Phạm Thùy T đưa ra yêu cầu không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là tự nguyện. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thùy T về việc không yêu cầu ông Phạm Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Phạm Thùy T xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Phạm Thùy T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thùy T ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thùy T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Hoàng B (giới tính nam) sinh ngày 20/01/2020, giao cho ông Phạm Văn Đ chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Tiến L (giới tính nam), sinh ngày 17/02/2018 cho đến khi Phạm Tiến L, Phạm Hoàng B đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Bà Phạm Thùy T và ông Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thùy T về việc không yêu cầu ông Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thùy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thùy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Phạm Thùy T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012374, ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã T, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước